

Số: 09 /2017/TT-BCT

Hà Nội, ngày 13 tháng 7 năm 2017

THÔNG TƯ

**Quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động
thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương**

Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động;

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động máy, thiết bị, vật tư trong Danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương theo quy định tại Phụ lục Ib Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động (Nghị định 44/2016/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động kiểm định máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương.

2. Tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý, sở hữu và sử dụng máy, thiết

g/r

bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương.

Điều 3. Phân loại đối tượng kiểm định

Đối tượng kiểm định là máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương, bao gồm:

1. *Đối tượng kiểm định nhóm A (nhóm A)* là nồi hơi nhà máy điện.
2. *Đối tượng kiểm định nhóm B (nhóm B)* là nồi hơi công nghiệp có áp suất trên 16 bar, bình chịu áp lực, hệ thống đường ống dẫn hơi và nước nóng.
3. *Đối tượng kiểm định nhóm C (nhóm C)* là hệ thống điều chế, nạp, cấp, bình, bồn, bể chứa sản phẩm dầu khí, khí dầu mỏ (LPG, LNG, CNG), đường ống vận chuyển, phân phối khí dầu mỏ cố định bằng kim loại và đường ống công nghệ trong các công trình dầu khí trên đất liền.
4. *Đối tượng kiểm định nhóm D (nhóm D)* là chai chứa LPG.
5. *Đối tượng kiểm định nhóm E (nhóm E)* là cột chống thủy lực đơn, giá khung di động và dàn chống tự hành sử dụng trong khai thác hầm lò.
6. *Đối tượng kiểm định nhóm G (nhóm G)* là tời, trục tải mỏ.
7. *Đối tượng kiểm định nhóm H (nhóm H)* là thiết bị điện phòng nổ.
8. *Đối tượng kiểm định nhóm I (nhóm I)* là máy nổ mìn điện (trừ máy nổ mìn điện phòng nổ).

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH

Điều 4. Thiết bị, dụng cụ phục vụ kiểm định

1. Thiết bị, dụng cụ phục vụ kiểm định phải có thông số kỹ thuật phù hợp với đối tượng kiểm định và được kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo quy định của pháp luật.

2. Yêu cầu thiết bị, dụng cụ tối thiểu phải có phục vụ hoạt động kiểm định theo từng nhóm đối tượng kiểm định cụ thể như sau:

a) Đối với nhóm A, B và C

- Bơm thử thủy lực;
- Áp kế kiểm tra các loại;
- Thiết bị đo chiều dày kim loại;
- Thiết bị kiểm tra chất lượng mối hàn;
- Thiết bị kiểm tra khuyết tật kim loại bằng phương pháp từ, dòng điện xoáy và thăm thấu;
- Thiết bị kiểm tra khuyết tật bằng phương pháp nội soi;
- Dụng cụ, phương tiện kiểm tra kích thước hình học;

- Dụng cụ kiểm tra kích thước khuyết tật bề mặt kim loại;
- Thiết bị kiểm định van an toàn;
- Thiết bị đo nhiệt độ.

b) Đối với nhóm D

- Thiết bị thu hồi LPG còn lại trong chai;
- Thiết bị đo chiều dày kim loại;
- Thiết bị kiểm tra chất lượng mối hàn;
- Dụng cụ kiểm tra kích thước khuyết tật bề mặt kim loại;
- Thiết bị tháo, lắp van chai;
- Thiết bị thử bền, thử kín;
- Thiết bị làm khô vỏ chai;
- Thiết bị kiểm tra bên trong chai;
- Thiết bị làm sạch bề mặt;
- Thiết bị kiểm tra van chai;
- Cân khối lượng;
- Thiết bị, dụng cụ đóng số, ký hiệu kiểm định;
- Thiết bị hút chân không;
- Thiết bị thử giãn nở thể tích.

c) Đối với nhóm E

- Hệ thống tạo áp suất thử nghiệm van, cột chống và đường ống áp lực;
- Thiết bị duy trì áp suất thử cột chống;
- Thiết bị thử xà, mái giàn hoặc giá chống;
- Thiết bị kiểm tra chất lượng mối hàn;
- Áp kế kiểm tra các loại.

d) Đối với nhóm G

- Lực kế;
 - Thiết bị, dụng cụ đo kích thước hình học;
 - Thiết bị đo tốc độ;
 - Dụng cụ đo cường độ đường ray;
 - Máy trắc đạc;
 - Thiết bị kiểm tra khuyết tật cáp thép;
 - Thiết bị kiểm tra độ lệch hướng tâm và hướng kính của các mối ghép
- trục;
- Thiết bị kéo kiểm tra cáp thép bằng phương pháp phá hủy;

g

- Thiết bị kiểm tra chất lượng mối hàn;
- Thiết bị kiểm tra khuyết tật kim loại bằng phương pháp từ, dòng điện xoáy và thăm thấu;
- Thiết bị đo thời gian tác động phanh;
- Thiết bị đo điện trở cách điện, điện trở nối đất;
- Vôn kế, Ampe kế;
- Áp kế kiểm tra các loại.

đ) Đối với nhóm H

- Thiết bị thử áp lực nổ và lan truyền sự cháy;
- Thiết bị thử áp lực nước;
- Thiết bị thử nghiệm mạch an toàn tia lửa;
- Thiết bị tạo môi trường thử nghiệm;
- Thiết bị thử nghiệm sốc nhiệt;
- Thiết bị thử nghiệm va đập;
- Thiết bị thử nghiệm kéo cáp điện trong phễu đầu nối cáp;
- Thiết bị kiểm tra mô-men xoắn cọc, bu lông đầu cáp;
- Thiết bị đo điện trở cách điện;
- Đồng hồ đo điện vạn năng;
- Thiết bị, dụng cụ đo kích thước hình học;
- Thiết bị điện tử đo ghi dữ liệu (Oscilloscope).

e) Đối với nhóm I

- Thiết bị đo điện trở cách điện;
- Đồng hồ đo điện vạn năng;
- Thiết bị điện tử ghi dữ liệu (Oscilloscope);
- Đồng hồ bấm giây.

Điều 5. Tài liệu kỹ thuật về đối tượng kiểm định

Danh mục tài liệu kỹ thuật chính theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 của Nghị định 44/2016/NĐ-CP theo từng nhóm đối tượng kiểm định cụ thể như sau:

1. Đối với nhóm A và B

a) Nồi hơi

- QCVN: 01-2008/BLĐTBXH, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn lao động nồi hơi và bình chịu áp lực;

- TCVN 7704:2007, Nồi hơi - Yêu cầu kỹ thuật về thiết kế, kết cấu, chế tạo, lắp đặt, sử dụng và sửa chữa;

- TCVN 6413:1998, Nồi hơi cố định ống lò ống lửa cấu tạo hàn (trừ nồi hơi ống nước);

- TCVN 5346-91, Kỹ thuật an toàn nồi hơi và nước nóng - Yêu cầu chung đối với việc tính độ bền;

- TCVN 6008:2010, Thiết bị áp lực - Mối hàn - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử;

- TCVN 9385:2012, Chống sét cho công trình xây dựng - Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống;

- TCVN 9358:2012, Lắp đặt hệ thống nối đất thiết bị cho các công trình công nghiệp - Yêu cầu chung;

- Quy trình kiểm định chi tiết phù hợp với từng loại nồi hơi do Tổ chức hoạt động kiểm định máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương (Tổ chức kiểm định) ban hành không trái với Quy trình kiểm định nồi hơi do Bộ Công Thương ban hành và các Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia tương ứng.

b) Bình chịu áp lực

- QCVN: 01-2008/BLĐTBXH, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn lao động nồi hơi và bình chịu áp lực;

- TCVN 8366:2010, Bình chịu áp lực - Yêu cầu về thiết kế và chế tạo;

- TCVN 6155:1996, Bình chịu áp lực - Yêu cầu kỹ thuật an toàn lắp đặt, sử dụng và sửa chữa;

- TCVN 6156:1996, Bình chịu áp lực - Yêu cầu kỹ thuật an toàn lắp đặt, sử dụng và sửa chữa - Phương pháp thử;

- TCVN 6008:2010, Thiết bị áp lực - Mối hàn - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử;

- Quy trình kiểm định chi tiết phù hợp với từng loại bình chịu áp lực do Tổ chức kiểm định ban hành không trái với Quy trình kiểm định bình chịu áp lực do Bộ Công Thương ban hành và các Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia tương ứng.

c) Hệ thống đường ống dẫn hơi và nước nóng

- QCVN 04:2014/BCT, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn đường ống dẫn hơi và nước nóng nhà máy điện;

- TCVN 6008:2010, Thiết bị áp lực - Mối hàn - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử;

- TCVN 6158:1996, Đường ống dẫn hơi nước và nước nóng - Yêu cầu kỹ thuật;

- TCVN 6159:1996, Đường ống dẫn hơi nước và nước nóng - Phương